TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG DÂN
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 07/2020/DS-ST
Ngày: 27/04/2020
"*V/v tranh chấp quyền sử dụng đất*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN NHÂN HUYỆN HỒNG DÂN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lâm Bé Nhi**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Lại Thiện Phong**

2. Ông **Danh On**

Thư ký phiên tòa: Ông **Phan Tú Anh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân tham gia phiên tòa: Ông **Dương Minh Kha** – Kiểm sát viên

Trong ngày 27 tháng 04 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 59/2019/TLST–DS ngày 20 tháng 03 năm 2019 về tranh chấp quyền sử dụng đất theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 03 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Lê Văn H** (tên gọi khác:Lê Hồng Hải), sinh năm 1956*(Có mặt)*

Địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1969 *(Có mặt)*

Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà **Phan Thị N**, sinh năm 1958 *(Vắng mặt – Có đơn xin vắng)*

Địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu

2/ Bà **Võ Thị C**, sinh năm 1973 *(Vắng mặt- Có đơn xin vắng)*

Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu

3/ **Ngân hàng N**

Địa chỉ: Số 02, phường T, quận B, Thành phố H. Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T – Chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng N. *(Vắng mặt không có lý do)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Văn H trình bày: Theo đơn khởi kiện ngày 04/3/2019 ông H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn N trả lại cho ông H phần đất ngang 01m, dài 70m tọa lạc tại ấp

N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Tuy nhiên, qua đo đạc thực tế vào ngày 18/9/2019 thì phần đất tranh chấp giữa ông H và ông N có tổng diện tích là 38,7m^2. Về nguồn gốc phần đất tranh chấp trước đây là của cha mẹ ông H khai phá trước năm 1975, sau đó ông H lập gia đình và được cha mẹ cho lại phần đất này vào năm 1976, diện tích khi cho khoảng 10 công tầm cấy gồm đất vườn, đất ở và đất trồng lúa. Ông H quản lý sử dụng đến năm 1999 thì được UBND huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 610 và 1092 cùng tờ bản đồ 11 vào ngày 09/3/1999 với tổng diện tích 10.720m^2. Ông H sử dụng ổn định từ năm 1976 cho đến khoảng năm 2014 thì ông Nguyễn Văn N đem cây lại trồng trên đất của ông, thấy vậy ông H ra ngăn cản thì ông N có yêu cầu chính quyền ấp giải quyết, ấp giải quyết cho ông H thắng nên ông N không trồng cây trên phần đất này. Khoảng năm 2015 - 2016 thì ông N cùng ông Võ Minh T (ông T là em vợ của ông N) tự ý chặt cây (tràm đà lạt, tràm rừng) của ông H trồng trên phần đất này nên vào năm 2016 ông H có khởi kiện ông Võ Minh T (do ông T là người đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất giáp ranh với đất của ông H) ra Tòa án giải quyết. Sau khi Tòa án tổ chức đo đạc phần đất tranh chấp thì ông T và ông H đồng ý thống nhất cặm ranh đất, nhưng phía ông N là người trực tiếp sử dụng phần đất tranh chấp ra ngăn cản không chịu cặm ranh. Do đó ông H đã rút lại đơn khởi kiện đối với ông Võ Minh T và khởi kiện ông Nguyễn Văn N như hiện nay. Hiện nay phần đất tranh chấp không ai sử dụng được, vì ông H ra sử dụng thì ông N không cho, ngược lại ông N sử dụng thì ông H cũng ngăn cản. Phần đất đang có tranh chấp hiện nay ông Lê Văn H có thế chấp vay vốn tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh huyện Hồng Dân số tiền là 10.000.000 đồng khoảng hơn 10 năm nay, hiện tại ông H chỉ còn nợ số tiền vay gốc là 2.000.000 đồng. Nay ông H yêu cầu ông Nguyễn Văn N phải giao trả lại cho ông H phần đất tranh chấp qua đo đạc thực tế là 38,7m^2. Ngoài ra ông H không yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Nguyễn Văn N trình bày: Nguồn gốc phần đất tranh chấp mà ông Lê Văn H khởi kiện ông N là của cha vợ ông N là ông Võ Văn T cho lại ông N cách đây khoảng 22 năm nhưng hiện nay phần đất này do em vợ của ông N là ông Võ Minh T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Lý do phần đất này do ông Võ Minh T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là bởi vì trước đây ông N thường xuyên vắng nhà (ông N đi buôn bán ở khắp nơi) vài tháng mới về nhà một lần nên khi đi đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì em vợ của ông là Võ Minh T đăng ký luôn phần đất mà ông N đang sử dụng và được cha vợ là ông Võ Văn T cho. Ông N chưa kịp chuyển tên phần đất này từ ông T trở lại thì phát sinh tranh chấp với ông H đến nay. Nay ông Lê Văn H khởi kiện yêu cầu ông N giao trả phần đất tranh chấp qua đo đạc thực tế là 38,7m^2 thì ông N không đồng ý vì đất này là của ông N, ông N đã sử dụng ổn định hơn 20 năm nay.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị N trình bày: Bà N là vợ của ông Lê Văn H. Trong vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Lê Văn H với ông Nguyễn Văn N thì bà N thống nhất ý kiến với chồng bà là ông Lê Văn H và không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị C trình bày: Bà C là vợ của

ông Nguyễn Văn N. Trong vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Lê Văn H với ông Nguyễn Văn N thì bà C thống nhất ý kiến với chồng bà là ông Nguyễn Văn N và không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ngân hàng N có ý kiến: Tại công văn số 294/NHNoHD-KHKD ngày 03/9/2019 Ngân hàng N có ý kiến như sau: Sau khi xem xét hồ sơ và các tài liệu có liên quan đối với khoản vay và điều kiện tình hình thực tế của ông Lê Hồng H, Ngân hàng N không khởi kiện độc lập đối với ông Lê Hồng H. Ngân hàng N đề nghị Tòa án xem xét giải quyết tranh chấp theo quy định của pháp luật.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến phiên tòa xét xử hôm nay các đương sự, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn H (Lê Hồng H) đối với ông Nguyễn Văn N. Buộc ông Nguyễn Văn N và bà Võ Thị C phải liên đới giao trả lại phần đất qua đo đạc thực tế có tổng diện tích 38,7m^2 cho ông Lê Văn H (Lê Hồng H) và bà Phan Thị N. Ngoài ra các đương sự còn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn ông Lê Văn H (tên gọi khác: Lê Hồng H) khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn N giao trả phần đất tranh chấp qua đo đạc thực tế có tổng diện tích 38,7m^2 nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp đất đai. Phần đất tranh chấp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tọa lạc tại ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu nên căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 203 Luật đất đai vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N không cử người đại diện tham gia tố tụng trong vụ án mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị N, bà Võ Thị C có đơn xin vắng mặt vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với Ngân hàng N, bà N, bà C căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp.

Về nội dung vụ án:

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn H yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn N giao trả phần đất tranh chấp qua đo đạc thực tế có tổng diện tích 38,7m^2, hội đồng xét xử xét thấy: Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 18/9/2019 của

Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân thì phần đất tranh chấp được chia làm 02 thửa có tự cạnh, định vị như sau:

***Thửa đất tranh chấp thứ nhất*:** Tổng diện tích: 37,4m^2

- Hướng Đông giáp đất ông Lê Văn H có cạnh dài 72,2m;
- Hướng Tây giáp đất ông Nguyễn Văn N và đất ông Võ Văn T có cạnh dài 72,2m;
- Hướng Nam giáp lộ bê tông có cạnh dài 0,6m;
- Hướng Bắc giáp đất ông Tạ Văn T có cạnh dài 0,5m.

(Các kích thước trên chưa trừ lộ giới)

Hiện trạng trên thửa đất tranh chấp thứ nhất tại thời điểm khảo sát có 04 cây tràm rừng đường kính trên 15cm. Ngoài ra không còn tài sản gì khác trên đất. Theo sự xác định của ông H thì 04 cây tràm rừng là do ông H trồng. Theo sự xác định của ông N thì 04 cây tràm rừng là do cha vợ ông là ông Võ Văn T trồng.

***Thửa đất tranh chấp thứ hai*:** Tổng diện tích: 1,3m^2

- Hướng Đông giáp đất ông Lê Văn H có cạnh dài 2,3m;
- Hướng Tây giáp đất ông Nguyễn Văn N có cạnh dài 2,3m;
- Hướng Nam giáp kênh 3000 có cạnh dài 0,6m;
- Hướng Bắc giáp lộ bê tông có cạnh dài 0,6m.

(Các kích thước trên chưa trừ lộ giới)

Hiện trạng trên thửa đất tranh chấp thứ hai tại thời điểm khảo sát có 01 cây tràm đà lạt đường kính trên 15cm. Ông H xác định do ông H trồng còn ông N thì xác định do ông N trồng.

[4] Tại mãnh trích đo địa chính số 168-2019 và phụ chú kèm theo mãnh trích đo, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Hồng Dân xác định:

Theo hồ sơ địa chính xã N thành lập năm 1993:

Thửa đất tranh chấp thứ nhất, diện tích 37,4m^2:

+ Nằm trong một phần thửa 610, tờ bản đồ số 11, diện tích 33,4m^2 đã cấp giấy chứng nhận cho ông Lê Hồng H.

+ Nằm trong một phần thửa 1092, tờ bản đồ số 11, diện tích 4,0m^2 đã cấp giấy chứng nhận cho ông Lê Hồng H.

Thửa đất tranh chấp thứ hai, diện tích 1,3m^2: Nằm trong một phần thửa 1092, tờ bản đồ số 11, đã cấp giấy chứng nhận cho ông Lê Hồng H.

Theo hồ sơ địa chính xã N thành lập năm 2009:

Thửa đất tranh chấp thứ nhất, diện tích 37,4m^2:

+ Nằm trong một phần thửa 130, tờ bản đồ số 44, diện tích 23,9m^2 do ông Lê Văn H đứng tên trên sổ mục kê và chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đối tượng nào.

+ Nằm trong một phần thửa 144, tờ bản đồ số 44, diện tích 13,5m^2 do ông Lê Văn H đứng tên trên sổ mục kê và chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đối tượng nào.

Thửa đất tranh chấp thứ hai, diện tích 1,3m²: Nằm trong một phần thửa D4, tờ bản đồ số 44, chưa ai đứng tên trên sổ mục kê và chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đối tượng nào.

[5] Nguyên đơn ông Lê Văn H trình bày nguồn gốc phần đất gia đình ông đang sử dụng (bao gồm phần đất tranh chấp với ông Nguyễn Văn N hiện nay) là của cha mẹ ông H khai phá trước năm 1975. Sau khi khai phá thì cha mẹ ông H trực tiếp canh tác, sử dụng phần đất này cho đến khi ông H lập gia đình thì ông H được cha mẹ cho lại phần đất này vào năm 1976, diện tích khi cho khoảng 10 công tầm cấy gồm có đất vườn, đất ở và đất trồng lúa. Ông H quản lý sử dụng đến năm 1999 thì được UBND huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 610 và 1092 cùng tờ bản đồ 11 với tổng diện tích 02 thửa đất này 10.720m². Hội đồng xét xử xét thấy, lời trình bày về nguồn gốc phần đất tranh chấp của ông Lê Văn H là có căn cứ bởi lẽ qua xem xét hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Văn H thì trong hồ sơ cấp giấy có thể hiện nguồn gốc thửa đất số 610 và thửa số 1092 cấp cho ông H là được thừa kế mà có.

Qua xem xét kết quả đo đạc phần đất tranh chấp giữa ông Lê Văn H và ông Nguyễn Văn N thì cơ quan chuyển môn kết luận phần đất tranh chấp giữa ông H và ông N có tổng diện tích là 38,7m², theo hồ sơ địa chính xã N thành lập năm 1993 thì toàn bộ phần đất tranh chấp này đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Hồng H (tên gọi khác: Lê Văn H).

Đồng thời, tại Công văn số 322/UBND ngày 19/02/2020 của UBND huyện H phúc đáp cho Tòa án cũng xác định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Hồng H tại thửa đất số 610 và 1092, cùng tờ bản đồ số 11 là đúng theo trình tự, thủ tục quy định của pháp luật.

[6] Về phía bị đơn ông Nguyễn Văn N trình bày nguồn gốc phần đất ông N đang quản lý sử dụng hiện nay (bao gồm phần đất tranh chấp với ông Lê Văn H) là của cha vợ ông N là ông Võ Văn T cho lại ông N hơn 22 năm trước. Hội đồng xét xử xét thấy: Ngoài lời trình bày của ông N thì ông N không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh nguồn gốc phần đất ông N đang quản lý, sử dụng hiện nay được ông Võ Văn T cho lại hơn 22 năm về trước. Ông N xác định phần đất ông Nguyễn Văn N đang quản lý, sử dụng hiện nay ông vẫn chưa được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà phần đất này do ông Võ Minh T (là em vợ của ông N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Hội đồng xét xử thấy rằng, phần đất tranh chấp giữa ông H với ông N qua đo đạc thực tế cơ quan chuyên môn kết luận nằm hoàn toàn trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Văn H (Lê Hồng H) chứ không nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Võ Minh T (là em vợ của N). Do đó, trong trường hợp ông Ngàn có chứng minh được nguồn gốc phần đất ông N đang quản lý, sử dụng hiện nay giáp với đất của ông H là của ông Võ Văn T cho lại ông N đi nữa thì phần đất tranh chấp giữa ông H và ông N cũng không nằm trong phần đất mà ông N được ông T cho lại.

[7] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy việc ông Lê Văn H khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn N giao trả lại phần đất tranh chấp qua đo đạc thực tế có tổng diện tích 38,7m^2 là có cơ sở chấp nhận.

[8] Đối với các tài sản có trên phần đất tranh chấp, tại thời điểm khảo sát có 04 cây tràm rừng và 01 cây tràm đà lạt. Theo sự xác định của ông Lê Văn H thì các tài sản này là do ông H trồng, trong khi ông N thì xác định 04 cây tràm rừng là do cha vợ ông N là ông Võ Văn T trồng và 01 cây tràm đà lạt là do ông N trồng. Ngoài lời trình bày của mình thì ông H và ông N không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh. Hội đồng xét xử xét thấy, do cả ông H và ông N đều không có tài liệu, chứng cứ chứng minh các cây trồng có trên phần đất tranh chấp là do các ông trồng nhưng do có cơ sở xác định phần đất tranh chấp là của ông Lê Văn H như đã phân tích ở phần trên nên đối với các cây trồng có trên phần đất tranh chấp gồm 04 cây tràm rừng và 01 cây tràm đà lạt ông Lê Văn H được toàn quyền sử dụng.

[9] Quá trình giải quyết vụ án ông Lê Văn H (Lê Hồng H) xác định phần đất tranh chấp ông H đang thế chấp vay vốn tại Ngân hàng N, tuy nhiên Ngân hàng có ý kiến không khởi kiện độc lập đối với ông H, đồng thời Hội đồng xét xử xét thấy việc giải quyết vụ án giữa ông H và ông N không ảnh hưởng đến hợp đồng thế chấp giữa ông H với Ngân hàng N nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Các bên đương sự có quyền khởi kiện ở một vụ án độc lập khác khi có tranh chấp.

[10] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

[11] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản tranh chấp là 1.300.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn H (Lê Hồng H) được chấp nhận toàn bộ nên ông Nguyễn Văn N và bà Võ Thị C phải liên đới chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản tranh chấp là 1.300.000 đồng căn cứ vào khoản 1 Điều 157 và khoản 1 Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự.

[12] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch ông Nguyễn Văn N và bà Võ Thị C phải liên đới nộp số tiền là 300.000 đồng.

Các đương sự khác không phải chịu án phí.

Vì các lẽ nêu trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 100, khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013;

- Căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 2; Điều 6; Điều 7, Điều 7a; Điều 9, Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Toà án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện đòi quyền sử dụng đất bị lấn chiếm của ông Lê Văn H (tên gọi khác: Lê Hồng H) đối với ông Nguyễn Văn N.

Buộc ông Nguyễn Văn N và bà Võ Thị C phải liên đới giao trả cho ông Lê Văn H (tên gọi khác: Lê Hồng H) và bà Phan Thị N phần đất lấn chiếm có tổng diện tích là 38,7m^2 tọa lạc tại ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Phần đất lấn chiếm gồm có 02 thửa cụ thể như sau:

****Thửa đất tranh chấp thứ nhất*:** Tổng diện tích: 37,4m^2

- Hướng Đông giáp đất ông Lê Văn H có cạnh dài 72,2m;

- Hướng Tây giáp đất ông Nguyễn Văn N và đất ông Võ Văn T có cạnh dài 72,2m;

- Hướng Nam giáp lộ bê tông có cạnh dài 0,6m;

- Hướng Bắc giáp đất ông Tạ Văn T có cạnh dài 0,5m.

(Các kích thước trên chưa trừ lộ giới)

Theo hồ sơ địa chính xã N thành lập năm 1993 thì phần đất tranh chấp thứ nhất nằm trong một phần thửa 610, tờ bản đồ số 11, diện tích 33,4m^2 đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Hồng H và nằm trong một phần thửa 1092, tờ bản đồ số 11, diện tích 4,0m^2 đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Hồng H.

Theo hồ sơ địa chính xã N thành lập năm 2009 thì phần đất tranh chấp thứ nhất nằm trong một phần thửa 130, tờ bản đồ số 44, diện tích 23,9m^2 do ông Lê Văn H đứng tên trên sổ mục kê và chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đối tượng nào và nằm trong một phần thửa 144, tờ bản đồ số 44, diện tích 13,5m^2 do ông Lê Văn H đứng tên trên sổ mục kê và chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đối tượng nào.

****Thửa đất tranh chấp thứ hai*:** Tổng diện tích: 1,3m^2

- Hướng Đông giáp đất ông Lê Văn H có cạnh dài 2,3m;

- Hướng Tây giáp đất ông Nguyễn Văn N có cạnh dài 2,3m;

- Hướng Nam giáp kênh 3000 có cạnh dài 0,6m;

- Hướng Bắc giáp lộ bê tông có cạnh dài 0,6m.

(Các kích thước trên chưa trừ lộ giới)

Theo hồ sơ địa chính xã N thành lập năm 1993 thì phần đất tranh chấp thứ hai nằm trong một phần thửa 1092, tờ bản đồ số 11, đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Hồng H.

Theo hồ sơ địa chính xã N thành lập năm 2009 thì phần đất tranh chấp thứ hai nằm trong một phần thửa D4, tờ bản đồ số 44, chưa ai đứng tên trên sổ mục kê và chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đối tượng nào.

(Mãnh trích đo địa chính số 168-2019 và phụ chú kèm theo mãnh trích đo của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H là bộ phận không thể tách rời của bán án)

2. Chi phí tố tụng:

Buộc ông Nguyễn Văn N và bà Võ Thị C phải liên đới nộp chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản tranh chấp là 1.300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân để hoàn lại cho ông Lê Văn H (tên gọi khác: Lê Hồng H) số tiền là 1.300.000 đồng.

Ông Lê Văn H (tên gọi khác: Lê Hồng H) đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng là 1.500.000 đồng theo phiếu thu số PT042 ngày 17/4/2019 và phiếu thu số T006 ngày 13/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, đã chi hết 1.300.000 đồng nên được hoàn lại số tiền là 200.000 đồng tại Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân.

3. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Buộc ông Nguyễn Văn N và bà Võ Thị C phải liên đới nộp số tiền là 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày toà tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh (1b);
- VKSND huyện (2b);
- CC.THADS huyện (1b);
- Các đương sự (4b);
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu Tòa (2b).

Lâm Bé Nhi